

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG – HGM**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Tháng 03 năm 2024

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính gửi: Quý vị cổ đông!**

Năm 2023, bất chấp những khó khăn kinh tế trong và ngoài nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng. Tỷ lệ tạm ứng trả cổ tức năm 2023 là 4.500 đồng /cổ phần (tương đương 45% tính trên mệnh giá), đứng vào nhóm những công ty có tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt cao nhất thị trường chứng khoán Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế đạt 69,34 tỷ đồng, bằng 169 % kế hoạch. Thị trường xuất khẩu mở rộng khắp thế giới với tập khách hàng ngày càng đa dạng, đông đảo. Sản phẩm Antimony kim loại của Công ty được bạn bè quốc tế đánh giá cao về chất lượng, cung không đủ cầu. Thị trường nội địa tuy còn rất nhỏ nhưng có tốc độ tăng trưởng cao cũng được Công ty bám sát phục vụ. Công ty cũng ưu tiên dành nhiều nguồn lực để khẩn trương đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm liên quan tới vấn đề pháp lý và quy hoạch mỏ Antimony Mậu Duệ, làm nền tảng cho sự phát triển lâu dài và bền vững về sau.

Tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng không quên trách nhiệm “Chia sẻ lợi ích với Cộng đồng” thông qua những hoạt động nhân văn nhưng thiết thực. Điển hình là: Công ty đã phối hợp với Trường Đại học Quốc gia trao học bổng khuyến khích, hỗ trợ các học sinh nghèo học giỏi trong các ngành học về khai khoáng, địa chất; đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ làm nhà cho người nghèo, ủng hộ các quỹ từ thiện ở hai xã Hữu Vinh và Mậu Duệ tại huyện Yên Minh.

Sang năm 2024, dự báo bức tranh kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn nhiều mảng xám và biến động khó lường, nhưng Công ty đã sẵn sàng và quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch đặt ra, đặc biệt là mục tiêu về những dự án trọng điểm, làm tiền đề cho bước chuyển mình trong thời gian tới. Với một niềm tin vững chắc, toàn thể Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để giữ vững vị thế là đơn vị dẫn đầu trong ngành khai thác và chế biến Antimon kim loại ở Việt Nam.

Cũng nhân dịp đầu xuân, cho phép tôi thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý vị cổ đông, các bạn hàng và đối tác. Tôi cũng đặc biệt gửi lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động đã luôn tin tưởng, ủng hộ và gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua. Hy vọng rằng, chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác, đồng hành vì sự phát triển thịnh vượng lâu dài trong tương lai.

**Trân trọng!**



**Phạm Thành Đô**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ  
KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN  
HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/BC-HGM

Hà Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2024

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Kính gửi** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang (HGM)
- Tên tiếng Anh: Hà Giang Mineral and Mechanics Joint Stock Company.
- Tên Giao dịch quốc tế: HaGiang Mining.
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số: 5100101762, thay đổi lần 8 ngày 01/6/2021.
- Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : số 390, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Số điện thoại: 02193 866708 - Fax: 02193867068
- Website: www.hgm.vn - Email: khoangsanhg@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: HGM - Sàn giao dịch: HNX

#### **\* Quá trình hình thành và phát triển của HGM:**

*Năm 1995* tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.

*Năm 1996*, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang do Bộ Công nghiệp cấp với thời hạn hoạt động là 30 năm.

*Năm 2002*, Dây truyền tuyển luyện quặng Antimon cho ra sản phẩm Kim loại A-H 99,95% đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đầu tiên.

*Năm 2003*, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

*Năm 2004*, Sản phẩm Kim loại Antimony A-H của công ty đoạt Huy chương Vàng sản phẩm kim loại Antimon tại Hội chợ Triển lãm Thương mại Quốc tế EXPO, giải thưởng chất lượng Vàng Việt Nam và nhiều giải thưởng khác.

*Năm 2005*, Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.

Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân ra đời là kết quả hợp tác giữa Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) thực hiện chức năng tuyển quặng chì, kẽm.

*Năm 2006*, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang mô hình Công ty Cổ phần. Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/2/2006 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

**Năm 2009**, Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán ngày 21/12/2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: HGM. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu.

**Năm 2012**, Thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang” và thanh lý Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân do hết hạn hoạt động.

**Năm 2013**, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, nâng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 126 tỷ đồng.

Số lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX là 12.600.000 cổ phiếu.

**Năm 2014**: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết mua lại cổ phiếu quỹ Công ty.

Hoàn thành việc tham gia đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng (mã CBI) với tỷ lệ sở hữu 9,6%

**Năm 2015**: Công ty mua lại cổ phiếu quỹ với số lượng 679.280 cổ phiếu, chiếm 5,3% vốn điều lệ.

Tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (mã KHD) với tỷ lệ sở hữu 35,7%.

**Năm 2016**: Thay đổi giấy Đăng ký kinh doanh lần 7 vào ngày 03/06/2016.

**Năm 2021** thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 1/6/2021. Sản phẩm Kim loại A-H được vào Top 20 Thương hiệu nổi tiếng năm 2021.

## **2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:**

- **Ngành nghề kinh doanh chính**: Sản xuất Kim loại Antimon 99,85% xuất khẩu (Ký hiệu sản phẩm A-H)

+ Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản.

+ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

+ Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35 KV;

+ Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;

+ Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng...

+ Các hoạt động khác pháp luật không cấm.

- **Địa bàn hoạt động kinh doanh**:

+ Trụ sở chính Công ty địa chỉ số 390 đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang,

+ Mở khai thác antimon và nhà máy chế biến kim loại tại xã Mậu Duệ - huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang gồm: Phân xưởng khai thác quặng antimon và Phân xưởng luyện antimon.

+ Chi nhánh Công ty trực thuộc Công ty: địa chỉ Tòa Nhà Prime Center, Số 53, Phố Quang Trung - Nguyễn Du - Hai Bà Trưng - Hà Nội. Đảm nhiệm quan hệ giao dịch, đối ngoại và chức năng phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng.

- Các sự kiện khác: Sản phẩm kim loại Antimon A-H đạt từ 99,65% trở lên được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Nhật Bản và Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**Mô hình quản trị**: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ hoạt động của Công ty)

\* **Đại hội đồng cổ đông**: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định

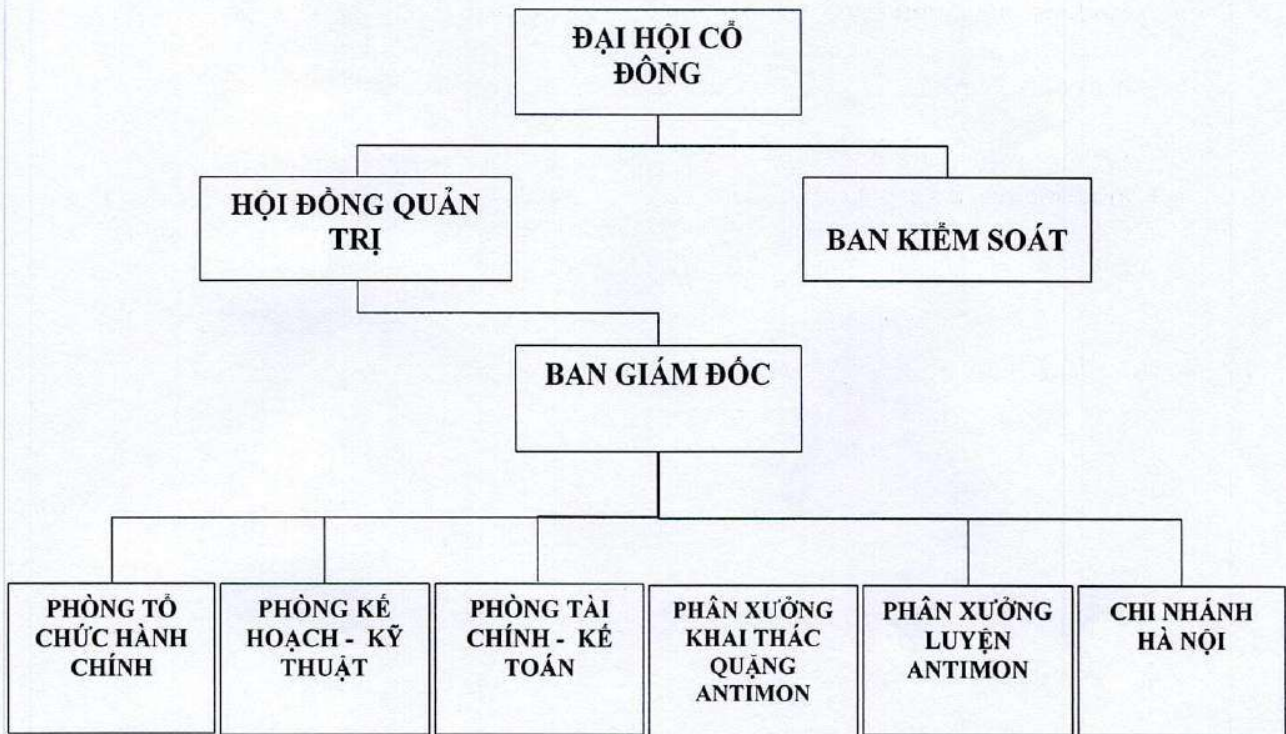
\* **Hội đồng quản trị**: Gồm có 7 thành viên, 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của

Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu có nhiệm kỳ là 5 năm và thực hiện chức năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.

\* **Ban kiểm soát:** Gồm có 3 thành viên, là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo Quy định Luật Doanh nghiệp 2020. Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

\* **Ban điều hành:** Gồm có 5 thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành của Công ty gồm có 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc và Kế toán trưởng, nhiệm kỳ là 3 năm.

**Sơ đồ tổ chức Doanh nghiệp:**



**- Các công ty con, công ty liên kết, đầu tư vốn:**

+ Công ty Cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (Mã KHD).

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tỷ lệ nắm giữ: 35,7%

+ Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng (Mã CBI). Địa chỉ: Số 52 Phố Kim Đồng,

Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng. Tỷ lệ nắm giữ: 9,6%

**4. Định hướng phát triển**

**4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

**Tầm nhìn:** Trở thành một trong những Công ty hàng đầu sản xuất và cung cấp sản phẩm Antimon kim loại (A-H) đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ và Châu Á.

**Sứ mệnh:** Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- **Đối với sản xuất:**
  - Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng Antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản.
  - Đầu tư hoàn thiện dây chuyền thiêu, luyện để nâng cao hiệu suất thu hồi.
  - Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng Antimon Mậu Duệ đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho nhà máy luyện.
  - Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho nhà máy luyện.
  - Nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến sâu.
- **Đối với tổ chức và bộ máy điều hành:**
  - Xây dựng bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp mạch lạc, rõ ràng.
  - Mở rộng phạm vi, năng lực hoạt động kinh doanh.
- **Đối với nguồn nhân lực**
  - Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ.
  - Đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động, cơ chế trả lương.
  - Thực hiện tốt quy chế lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- **Đối với công nghệ, máy móc thiết bị**
  - Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi quặng.
  - Đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất lao động.

#### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Phát triển bền vững đối với doanh nghiệp có thể hiểu đơn giản là chiến lược quản trị doanh nghiệp thích ứng được với mọi hoàn cảnh, dựa trên cơ sở bảo đảm hài hòa các lợi ích về kinh tế (lợi nhuận, doanh thu) với lợi ích của người lao động, cổ đông và bảo vệ môi trường. Trong thời gian tới, Công ty phải dần chuyển dịch định hướng, chiến lược kinh doanh từ “kinh doanh vì lợi nhuận” sang kinh doanh có trách nhiệm và bền vững để có sức bền dẻo dai hơn, khả năng phục hồi cũng cao hơn. Từ đó, có sự chuẩn bị và đầu tư, thậm chí tập trung nhiều nguồn lực hơn cho việc thiết lập khung quản lý rủi ro và kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục trên cơ sở những lợi thế cạnh tranh đã tạo dựng từ nguồn nhân lực và niềm tin của người lao động với doanh nghiệp.

#### 5. Các rủi ro:

**Rủi ro về pháp luật:** Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khoáng sản ngày càng chịu nhiều sự tác động quản lý của các cơ quan nhà nước bao gồm Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường, Luật quản lý thuế ... Do vậy nếu có sự thay đổi về chính sách của pháp luật của Nhà nước thì đều ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo được, đồng thời do nguồn tài nguyên này nằm sâu dưới lòng đất nên không thể có sự thăm dò chính xác về trữ lượng tài nguyên. Do vậy những yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro về thời tiết:** Do đặc thù của ngành khai thác khoáng sản là khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò do vậy ảnh hưởng của thời tiết, ví dụ như mưa nhiều đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty.

01  
ÔN  
IÂN  
10/  
1 G  
V G

**Rủi ro về môi trường:** Việc khai thác và chế biến khoáng sản nhìn chung đều có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh rất tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các tranh cãi pháp lý.

**Rủi ro về an toàn trong lao động:** Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất trực tiếp trong lĩnh vực luyện kim nhiệt độ cao. Môi trường sản xuất tiềm ẩn nhiều rủi ro về mất an toàn kỹ thuật dẫn đến sự cố về thiết bị, máy móc và con người.

**Rủi ro khác:** Khó khăn trong công tác đầu tư, tất cả chi phí liên quan đến sản xuất và bán hàng đều có xu hướng tăng.

## II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm:*

#### -Thuận lợi:

Năm 2023 thị trường giá bán kim loại ổn định ở mức giá cao, thuận lợi cho công tác dự báo và bán hàng của Công ty.

Nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm kim loại antimon gia tăng cả ở trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm của Công ty vẫn khẳng định được thương hiệu và chất lượng.

#### -Khó khăn:

Thiếu nguyên liệu đầu vào hàm lượng cao do công tác khai thác ngày càng khó khăn, hàm lượng quặng thấp, phân tán không đều, quặng có hàm lượng thấp chiếm tỷ trọng lớn. Chưa tìm được nguồn cung cấp quặng ngoài chất lượng. Việc khai thác ngày càng xuống sâu, thân quặng càng hẹp, hàm lượng bình quân giảm, tỷ lệ bốc xúc đất đá thải cho một tấn quặng ngày càng tăng, lòng moong hẹp, bãi đổ thải bị hạn chế... là những khó khăn của các năm gần đây và tiếp tục là khó khăn cho những năm tiếp theo.

Công tác đầu tư tài chính tại các đơn vị năm 2023 không thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng tiêu cực của thị trường chứng khoán dẫn đến phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư, ảnh hưởng đến lợi nhuận chung của Công ty.

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:** kết quả đạt được năm 2023 là tương đối khả quan, một số các chỉ tiêu kế hoạch đạt và vượt mức kế hoạch sản xuất cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		So sánh thực hiện (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH cả năm	So cùng kỳ 2022
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ	171	175,67	102,75	87,42
2	Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	650	657,29	101,12	93,82
3	Sản xuất Kim loại	Tấn	500	622,74	124,55	87,49
4	Khai thác nguyên liệu	Tấn	5.000	5.169,36	103,39	160,84
5	Lao động	Người	144	142	98,61	98,61
6	Thu nhập bình quân	Triệu		17,5		
7	Nộp ngân sách	Tỷ		30,22	100	61,67
8	Lợi nhuận trước thuế chưa trích lập dự phòng(*)	Tỷ	41	70	170,73	64,22
9	Cổ tức bằng tiền (**)	%	≥ 15	45	300	112%

117  
G T  
C O  
N G  
I A N  
-T.1

**Về khai thác:** Cả năm đã khai thác được 5.169,36 tấn quặng các loại, đạt 103,39% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chủ yếu là loại quặng có hàm lượng thấp, quặng thấp do ảnh hưởng của việc nghèo hoá của mỏ.

**Về sản xuất Kim loại:** Sản phẩm sản xuất năm 2023 được 622,74 tấn, đạt 124,55 % kế hoạch.

**Về tiêu thụ:** Tiêu thụ kim loại trong năm đạt 657,29 tấn kim loại, đạt 101,12 % kế hoạch bằng 93,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó kim loại xuất khẩu đạt 570,15 tấn, bán nội địa đạt 87,14 tấn. Lượng tồn kho cuối năm khoảng 274 tấn.

**Về doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán kim loại năm 2023 đạt 175,67 tỷ đồng, đạt 102,75% kế hoạch, bằng 87,42% so với cùng kỳ năm trước. Giá bán kim loại bình quân năm 2023 là: 12.292,08 USD/tấn tăng 11,74 % so với giá kế hoạch (11.000 USD/tấn), so với cùng kỳ năm trước bằng: 91,77% (giá BQ năm 2022: 13.392 USD/tấn) giảm tương đương với 1.099 USD/tấn.

**Về lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế đạt 70 tỷ đồng trước trích lập dự phòng, đạt 170,73 % so với kế hoạch và bằng 64,22 % so với cùng kỳ năm 2022.

## 2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 có 5 hạng mục đầu tư, cụ thể:

STT	Hạng mục đầu tư	Khái toán	Giá trị thực hiện
1	Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác (gồm giấy phép khai thác, giấy phép môi trường)	5 tỷ	4,5 tỷ
2	Nghiên cứu đầu tư dây chuyền tuyển quặng	1 tỷ	90 triệu
3	Đầu tư hệ thống công mở rộng bãi xỉ thải Phân xưởng luyện	1 tỷ	1 tỷ
4	Xử lý xỉ thải Phân xưởng luyện	1 tỷ	900 tr
5	Đầu tư, sửa chữa máy móc thiết bị (sửa lò luyện, lò thiêu, xe máy xúc...)	2 tỷ	1,3 tỷ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10 tỷ</b>	<b>7,8 tỷ</b>

### 2.1. Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác:

Công ty thực hiện triển khai ký hợp đồng với bên tư vấn gồm 4 nội dung công việc chính: Đo vẽ lập bản đồ địa hình - Khảo sát địa chất công trình - Lập báo cáo khả thi, thiết kế cơ sở - Đánh giá tác động môi trường. Hiện đã thống nhất được mặt bằng tổng thể, thiết kế cơ bản, lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư của Tỉnh, lập hồ sơ ĐTM. Dự kiến hoàn thiện thủ tục hồ sơ và trình Bộ TNMT trong năm 2024.

### 2.2. Nghiên cứu đầu tư dây chuyền tuyển quặng:

Trong năm 2023, Công ty đã thành lập đoàn khảo sát lựa chọn công nghệ tại Vân Nam, Trung Quốc. Tuy nhiên phương án đưa quặng mẫu sang Trung Quốc để thử nghiệm công nghệ dây chuyền gặp khó khăn trong thủ tục xin cấp phép. Qua tham quan, khảo sát công nghệ, việc đầu tư dây chuyền tuyển là khả thi và phù hợp với Công ty. Trước tình hình thực tế hiện nay, việc tiến hành đầu tư dự án xưởng tuyển vào thời điểm này là không khả thi do liên quan đến thời hạn của Giấy phép khai thác. Công ty đề xuất tiếp tục nghiên cứu và triển khai dự án vào thời điểm thích hợp sau khi được gia hạn Giấy phép khai thác.



**2.3. Đầu tư hệ thống công mở rộng bãi xử thải Phân xưởng luyện:**

Công ty đã khảo sát, tính toán và lập sơ bộ dự toán, thuê đơn vị tư vấn hoàn thành xong bản thiết kế và thi công dự kiến hoàn thành trong Quý I/2024. Việc hoàn thành giải quyết được việc mở mặt bằng của Phân xưởng luyện, phục vụ cho việc nâng sức chứa xỉ thải và kho bãi cho dự án sản xuất gạch ép không nung.

**2.4. Xử lý xỉ thải Phân xưởng luyện:**

Công ty lập phương án xử lý xỉ thải tại PX luyện bằng hình thức tận dụng xỉ thải để làm gạch ép không nung. Công ty đã đầu tư Hệ thống ép gạch không nung dự kiến quý I/2024 đưa vào sử dụng, công suất dự kiến là 6.000 viên/ca. Khi đi vào hoạt động sẽ giải quyết được vấn đề xử lý xỉ thải và tạo nguồn thu nhập khác cho công ty.

**2.5. Đầu tư, sửa chữa máy móc thiết bị tại 2 phân xưởng:**

Công ty triển khai máy nén khí chạy điện tại Phân xưởng khai thác, tủ biến tần và bộ quạt hút 30 kW, sửa chữa máy xúc đào. Mua dự phòng một số thiết bị trọng yếu để không làm gián đoạn sản xuất. Trong năm 2023, Công ty đã cơ bản đầu tư sửa chữa hoàn chỉnh máy móc thiết bị tại 2 phân xưởng.

**2.6. Tình hình đầu tư tài chính.**

- Đầu tư tiền gửi: Chủ yếu tập trung tại các Ngân hàng ở Hà Nội và Hà Giang với thời hạn gửi trung hạn và dài hạn dưới 1 năm, mức lãi suất theo mức lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 7 tỷ đồng.

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính đối với vốn góp tại Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng (CBI) do đó làm giảm lợi nhuận năm 2023 của công ty.

**+ Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (mã CBI):**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/KH
1	Doanh thu	Tỷ đ	3.050	2.616	77%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	52	0,624	1,2%

*(Nguồn báo cáo của người đại diện vốn)*

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng năm 2023 về doanh thu, lợi nhuận thực hiện không hoàn thành so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do nguyên nhân liên quan tới giá bán, sản lượng tiêu thụ giảm, cụ thể: Sản lượng tiêu thụ phôi thép giảm 36.932 tấn so với kế hoạch do điều kiện giá bán của thị trường giảm sâu nên chủ động giảm sản lượng tiêu thụ. Giá bán bình quân phôi thép cả năm chỉ đạt 13,4/14,7 triệu đồng khiến doanh thu tính trên khối lượng sản phẩm tiêu thụ tương ứng giảm 258 tỷ đồng trong khi các chi phí đầu vào tương ứng tiết giảm tương ứng khoảng 235 tỷ đồng.

**+ Công ty cổ phần Chế biến và Khai thác khoáng sản Hải Dương ( mã KHD)**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	TH năm 2023	So sánh TH/KH
1	Doanh thu	Tỷ đ	1,45	2,29	148,0%
2	Lợi nhuận sau thuế (+lãi/-lỗ)	Triệu	(-2.200)	(-2.153)	-

*(Nguồn báo cáo của người đại diện vốn)*

Kết quả sản xuất kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chủ yếu do các mỏ không được gia hạn giấy phép, chi phí hoàn thổ môi trường lớn dẫn đến hoạt động sản xuất bị gián đoạn. Kết quả sản xuất kinh doanh phụ thuộc vào Công ty con tại Thái Nguyên.

HĐQT đã có Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 02/10/2023 thoái vốn đối với Công ty cổ phần Chế biến và Khai thác khoáng sản Hải Dương. Công ty đã triển khai thực hiện theo Nghị quyết chào bán công khai lần 2, dự kiến hoàn thành trong Quý I/2024.

### 3. Tổ chức và nhân sự

#### Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc	78.000	0,619	
2	Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	245.200	1,946	
3	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	40.400	0,320	
4	Vũ Thăng Bình	Phó Giám đốc	0	0	
5	Hoàng Lê Khanh	Kế toán trưởng	3.800	0,03	

#### Những thay đổi trong ban điều hành:

- Miễn nhiệm: không có
- Bổ nhiệm: không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 142 người. Bao gồm 12 dân tộc: Kinh, Tày, Giáy, Clao, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ, Dao, H'mông, Hoa, Thái, Mường. Hiện lao động là người dân tộc thiểu số và người địa phương chiếm khoảng 55% tổng số lao động của Công ty.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	238,8	215,5	10,8 %
Doanh thu thuần	175,7	200,98	12,6 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70,9	69,8	1,6 %
Lợi nhuận khác	-1,6	-1,7	-5,9 %
Lợi nhuận trước thuế	69,3	68,1	1,7 %
Lợi nhuận sau thuế	54,8	53,9	1,7 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45%	40%	12,5 %

- Các chỉ tiêu khác: không

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6 lần	7 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4,75 lần	5,07 lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	17,29 %	15,54 %
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	20,9 %	18,39 %

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,52 vòng	2,13 vòng
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	77,39 vòng	88,53 vòng
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,06 %	26,84 %
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,66 %	29,63 %
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	22,88 %	25,03 %
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	40,19 %	34,73 %

(Nguồn: BCTC năm 2023 đã kiểm toán)

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**5.1. Cổ phần:**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang.

Mã chứng khoán: HGM

Sàn niêm yết: HNX

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đ/cp.

Tổng số cổ phần: 12.600.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 679.280 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.920.720 cổ phiếu.

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	6	7.883.980	62,57%
2	Cá nhân	167	4.008.640	31,81%
	<b>Tổng</b>	<b>173</b>	<b>11.892.620</b>	<b>94,38%</b>
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	4	4.900	0,04%
2	Cá nhân	7	23.200	0,19%
	<b>Tổng</b>	<b>11</b>	<b>28.100</b>	<b>0,23%</b>
III	Cổ phiếu quỹ	1	679.280	5,39%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>185</b>	<b>12.600.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSDC lập, ngày chốt 26/02/2024)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không thống kê

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

+ Tổng lượng dầu diesel sử dụng trong năm: 105.866 lít

+ Tổng lượng than các loại sử dụng sản xuất: 2.316 tấn

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. Chủ yếu sử dụng các nguyên liệu sau: Xi bốt: 132,53 tấn; Bốt Quặng: 367,37 tấn.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện: 597.500 kWh sử dụng chủ yếu chạy máy nén khí, hệ thống quạt hút bụi, máy bơm nước, điện chiếu sáng khu vực sản xuất và dùng trong sinh hoạt làm việc hàng ngày của cán bộ công nhân.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tiết kiệm điện chiếu sáng bằng việc thay thế dần bóng sợi đốt bằng bóng đèn Led chiếu sáng hoạt động sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng. Điện khí hóa máy móc thiết bị sản xuất, hạn chế sử dụng máy nổ chạy dầu diesel gây ô nhiễm môi trường. Tiết kiệm điện trong sản xuất: Hạn chế vận hành các máy, thiết bị có công suất tiêu thụ điện lớn của xưởng vào giờ cao điểm như:

Tắt công tắc điện các máy nén khí khoảng 20 phút trước khi kết thúc làm việc, thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ hệ thống hơi để tránh rò rỉ hơi, gây thất thoát điện năng.

Hệ thống điện của xưởng được thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn, công tắc, cầu dao, điểm tiếp xúc có bị nóng do chập chạm, rò rỉ điện, kiểm tra nối đất để giảm thất thoát điện.

Tắt tất cả các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc, tắt hẳn nguồn điện khi không còn sử dụng các thiết bị như: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy scan, quạt thông gió...

Tối ưu hóa sản xuất ở một số công đoạn để tiết kiệm điện năng

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sử dụng điện tiết kiệm:

Quan trọng đến từng CBCNV thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện. Từng CBCNV phải gương mẫu thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, đồng thời phải là một tuyên truyền viên tích cực trong việc vận động gia đình, người thân tham gia hưởng ứng chương trình tiết kiệm điện.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động sản xuất trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước sử dụng chủ yếu là nguồn nước tự nhiên được sử dụng vào quá trình sản xuất thiêu luyện xấp xỉ: 14.600 m<sup>3</sup> được sử dụng cho việc làm mát hệ thống lò và sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 90% hệ thống thu gom nước được sử dụng theo phương pháp tuần hoàn khép kín gồm:

- Phương án xử lý nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên khai trường mỏ và bãi thải đất đá được thu gom qua hệ thống mương hở, chảy vào hố thu lắng 01. Nước được lắng cặn tại hố lắng 01, tiếp tục chảy qua hệ thống kênh dẫn tới hố thu lắng 02, sau đó được thải ra môi trường thông qua cửa xả nước thải có tọa độ X(m): 2553 032; Y(m): 474 481. Chất lượng nước thải đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B).

- Phương án xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được chia thành 2 nguồn:

+ Đối với nước thải sinh hoạt tại phân xưởng luyện: Nước thải từ khu nhà tắm, rửa chân tay, nhà bếp ăn, nhà vệ sinh được thu gom vào hệ thống rãnh cố định và được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Phân xưởng với công suất xử lý 15m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải ra ngoài môi trường đạt theo tiêu chuẩn cột B QCVN 40-2011/BTNMT.

+ Đối với nước thải tại phân xưởng khai thác: Nước thải từ khu nhà tắm, rửa chân tay, nhà bếp ăn, nhà vệ sinh được thu gom vào hệ thống đường ống cố định, được đưa qua 1 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước được theo đường ống đi qua hệ thống mương hở dài 24m để ô xi hóa tự nhiên sau đó thải ra ngoài môi trường.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất (14.600 m<sup>3</sup>); Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường;

Trong năm, Công ty đã thực hiện lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo quy định, hiện hồ sơ đã được nhận, họp thẩm định với 10/11 ý kiến chấp thuận cấp giấy phép môi trường cho công ty tuy nhiên phải chỉnh sửa lại hồ sơ xin giấy phép theo yêu cầu của các thành viên tham gia thẩm định. Hiện Công ty đang trong quá trình chỉnh sửa lại hồ sơ để nộp lại xin cấp giấy phép.

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến ngày 31/12/2023 Công ty có 142 lao động. Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2022 là: 17,5 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 2 - 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động:

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động theo quy định

- Trang bị phương tiện lao động cho 100% người lao động.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành đối với bộ phận sản xuất trực tiếp và gián tiếp theo quy định.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Về công tác an toàn lao động lãnh đạo Công ty thường xuyên quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

Hoạt động đào tạo, tuyển dụng người lao động:

+ Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

+ Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện được một số công việc về an sinh xã hội và hỗ trợ địa phương trong các lĩnh vực như giáo dục, hỗ trợ hộ nghèo, xây dựng hạ tầng cho địa phương, hỗ trợ làm nhà cho người nghèo và ủng hộ cho các quỹ từ thiện của địa phương. Tổng các chi phí thực hiện cho xã được giao nhiệm vụ đỡ đầu, xã có cơ sở sản xuất của Công ty và các chương trình khác tính cả năm 2023 là 1,1 tỷ đồng.

Ngoài ra các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, người lao động thực hiện tốt công tác từ thiện nhân đạo, hiến máu tình nguyện.

*6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN :*

*Không có*

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** *(Xem biểu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 trên)*

Năm 2023 thị trường giá bán kim loại ổn định ở mức giá cao, thuận lợi cho công tác dự báo và bán hàng của Công ty.

Nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm kim loại antimon gia tăng cả ở trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm của Công ty vẫn khẳng định được thương hiệu và chất lượng.

Lò thiêu luyện sản xuất liên tục không phải dừng lò cùng các giải pháp kỹ thuật và quản lý đảm bảo sản lượng sản xuất theo kế hoạch.

Công ty tự chủ nghiên cứu và đặt sản xuất hệ thống thu bụi túi vải cho lò luyện và giéng đứng cải thiện hiệu suất thu hồi.

Đưa vào phương án tuyển lại quặng sau nghiền tăng phần trăm quặng đưa vào thiêu theo các cấp độ đã đạt kết quả tốt tiết giảm nhiên liệu tăng hiệu suất thu hồi.

Công tác đầu tư trang thiết bị cần thiết hỗ trợ người lao động giúp tăng năng suất và rút ngắn thời gian sản xuất, đảm bảo môi trường lao động cho công nhân. Không để xảy ra mất an toàn trong sản xuất. Tay nghề công nhân thiêu luyện được nâng cao, đã làm chủ được công nghệ mới dần dần đi vào sản xuất được ổn định.

Công tác điều phối phương tiện xe máy, bố trí lao động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất an toàn, đảm bảo việc làm cho người lao động.

Công tác điều hành sản xuất ổn định kịp thời giải quyết các vướng mắc trong SXKD, công tác quản lý điều hành theo sát với từng diễn biến tình hình sản xuất trong năm.

Công tác giám sát chỉ đạo xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản đã triển khai được hết bao gồm các hạng mục: công trình bảo vệ môi trường, bảo dưỡng sửa chữa các công trình phụ trợ của phân xưởng, đường kênh dẫn khói, hệ thống lò thiêu luyện, trạm xử lý khí thải, nhà để mẫu mái kho chứa bột, kiểm định hệ thống cân, sửa chữa máy thiết bị.

Với những thuận lợi trong năm 2023 các chỉ tiêu quan trọng về sản xuất kinh doanh đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đặt ra. Đạt được kết quả như trên là một sự cố gắng rất lớn của Công ty.

**Bên cạnh đó còn một số hạn chế, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Thiếu nguyên liệu đầu vào hàm lượng cao do công tác khai thác ngày càng khó khăn, hàm lượng quặng thấp, phân tán không đều, quặng có hàm lượng thấp chiếm tỷ trọng lớn. Chưa tìm được nguồn cung cấp quặng ngoài chất lượng. Việc khai thác ngày càng xuống sâu, thân quặng càng hẹp, hàm lượng bình quân giảm, tỷ lệ bốc xúc đất đá thải cho một tấn quặng ngày càng tăng, lòng moong hẹp, bãi đổ thải bị hạn chế... là những khó khăn của các năm gần đây và tiếp tục là khó khăn cho những năm tiếp theo.

Công tác đầu tư tài chính tại các đơn vị năm 2023 không thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng tiêu cực của thị trường chứng khoán dẫn đến phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư, ảnh hưởng đến lợi nhuận chung của Công ty.

Một số các công trình xây dựng cơ bản còn hoàn thành chậm so với tiến độ.

**\*Phân tích đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2023:**

- **Về khai thác:** Cả năm đã khai thác được 5.169,35 tấn quặng các loại, đạt 103,3% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chủ yếu là loại quặng có hàm lượng thấp, quặng thấp do ảnh hưởng của việc nghèo hoá của mỏ. Khối lượng bốc xúc được 506.752 m<sup>3</sup>, đạt 95,1% so với kế hoạch năm.

- **Về sản xuất Kim loại:**

+ Thiêu quặng: Năm 2023 tổng thiêu được 5.403,18 tấn quặng, xi các loại. Trong đó quặng khai thác tại mỏ 4.903,28 tấn, bột quặng cũ: 367,37 tấn; xi bột: 132,53 tấn. Hàm lượng Sb bình quân đưa vào thiêu là: 13,6% hiệu suất thu hồi là: 89%, phần trăm xỉ thải là: 0,41%.

+ Luyện kim loại: Sản lượng kim loại sản xuất năm 2023 kéo dài đến Tháng 1/2024 đạt được 623,56 tấn, đạt 124,71% so với kế hoạch.

- **Về tiêu thụ:** Tiêu thụ kim loại trong năm đạt 657,29 tấn kim loại, đạt 101,12% kế hoạch bằng 93,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó kim loại xuất khẩu đạt 570,15 tấn, bán nội địa đạt 87,14 tấn. Lượng tồn kho cuối năm 274 tấn..

- **Về doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán kim loại năm 2023 đạt 175,67 tỷ đồng, đạt 102,73% kế hoạch, bằng 87,4% so với cùng kỳ năm trước.

+ Giá bán kim loại bình quân năm 2024 là: 12.292,08 USD/tấn đạt 111,74 % so với giá kế hoạch (11.000 USD/tấn), so với cùng kỳ năm trước: 91,77% (giá BQ năm 2022: 13.392 USD/tấn) giảm tương đương với 1.099 USD/tấn.

- **Về lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế đạt: 70 tỷ trong năm 2023 đạt 170,73% so với kế hoạch.

**\* Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

32  
Y  
KH  
SẢ  
G  
A/C

Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

Trong khâu chế biến: Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ phù hợp đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm chế biến sâu về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Công ty cũng có những biện pháp tích cực nhằm giảm thiểu lượng điện tiêu thụ trên đơn vị sản phẩm, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành.

Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định về môi trường, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Công ty cũng đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến kim loại.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Tình hình tài sản**

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2022 có một số biến động nhất định. Tài sản ngắn hạn năm 2023 tăng 17,7% so với năm 2022. Lý do tiền và các khoản tương đương tiền tăng 14,5%, đầu tư tài chính tăng 4,5%, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 38,3% trong khi đó hàng tồn kho giảm 12,2% và các khoản phải thu của khách hàng giảm 98,5%. Hàng tồn kho giảm 12,2% so với năm 2022 tương đương 4,8 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn giảm 3,3% so với năm 2022 tương đương 2,4 tỷ đồng.

Lãi từ đầu tư tài chính tăng 41,6% do trong năm 2023 Công ty gửi tiết kiệm lãi suất ngân hàng tăng 36% so với năm 2022.

### **Các khoản nợ phải thu tính đến thời điểm 31/12/2023:**

- Khoản nợ xấu chiếm 19,6 % trên số dư nợ phải thu của công ty
- Nợ khó đòi chiếm 19,6 % trên số dư nợ phải thu của công ty

### **2.2. Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả năm 2023 tăng so với năm 2022 là 23,1% tương ứng với giá trị khoảng 7,8 tỷ đồng. Lý do các khoản phải trả ngắn hạn tăng 8 tỷ đồng.

**2.3. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Trong năm 2023, tỷ giá USD biến động bình quân ở mức 23.554 VNĐ. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2023 của Công ty là tương đối.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 10 tỷ đồng năm 2006, hiện nay là 126 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm 2023 đạt hơn 238,8 tỷ đồng. Số lượng lao động đến 31/12/2023 là 142 người.

Nhằm tinh giản bộ máy quản lý gián tiếp, tiết kiệm chi phí trong năm 2023 Ban giám đốc Công ty rà soát lại cơ cấu tổ chức, bố trí lại việc làm phù hợp, tuyển dụng đào tạo mới công nhân để tăng cường hiệu quả sản xuất. Đồng thời để thực hiện việc theo dõi sát sao hơn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **4.1. Về tình hình thị trường Antimon thế giới:**

Đầu năm 2023, sau thời gian dài phong tỏa với chính sách zero covid Trung Quốc nơi sản xuất kim loại antimon hàng đầu thế giới về sản lượng đã mở cửa thông thương đi lại với Việt Nam là cơ hội để Công ty cử người sang thăm quan học hỏi tìm hiểu các công nghệ sản xuất kim loại antimon mục tiêu nâng cao hiệu suất, giảm giá thành, tận thu xử lý được các nguyên liệu đầu vào. Việc Trung Quốc mở cửa giao thương không hạn chế với Việt Nam có thể khiến nguồn nguyên liệu vật tư phụ trợ sản xuất sẽ nhiều hơn



giúp giảm giá thành đầu vào sản xuất. Tuy nhiên, cũng có thể Trung Quốc sẽ không thắt chặt nguồn cung xuất khẩu antimon đầy mạnh bán hàng hơn, khi đó nguồn cung tăng sẽ khiến cho giá thành kim loại giao dịch trên thị trường thế giới giảm.

#### **4.2. Tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội trong nước:**

Ban Giám đốc dự báo năm 2023 Công ty sẽ gặp thách thức, khó khăn ở các nhân tố trong nước như sau:

Thiết kế khai thác ngày càng phải khai thác xuống sâu và xa hơn nên cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng, hàm lượng quặng khai thác giảm.

Chi phí thuế tài nguyên tăng cao.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những yếu tố khó khăn như trên, Công ty còn phải tập trung thực hiện các hoạt động trọng yếu có tác động cốt lõi đến hoạt động sản xuất của Công ty như: Hoàn thiện Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ, thực hiện phương án tuyển rửa quặng, cải tạo nâng cấp thiết bị luyện kim loại Antimon.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty** (Nguồn báo cáo môi trường công ty năm 2023)

*6.1. Đánh giá đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):*

Để đảm bảo việc triển khai các dự án theo hướng phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang trong đó có đại diện lãnh đạo trong Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình quản lý môi trường, an toàn lao động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động.

Các phòng ban chức năng tham gia quản lý môi trường, an toàn lao động gồm có Phân xưởng khai thác, Phân xưởng Luyện, Phòng Kế hoạch Kỹ thuật, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán. Các Phòng ban chức năng, phân xưởng quản lý, vận hành và kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, khí thải và xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đối với công trình đổ thải theo đúng Quy định của Luật môi trường và các Quy định khác.

Về sử dụng năng lượng trong năm 2023 đối với điện giảm 9,46% so với năm 2022, dầu diezen tăng 5,61% và than đá giảm 43,12% so với năm 2022. Lý do năm 2023 công ty giảm sản lượng sản xuất để tiến hành đầu tư theo kế hoạch.

Về tiêu thụ nước do Công ty không sử dụng nước cho Công nghiệp, lượng nước thải xả vào nguồn nước chủ yếu là nước sinh hoạt với lưu lượng nước xả thải trung bình được xử lý đưa ra môi trường là: 15m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải ra ngoài môi trường đạt theo tiêu chuẩn cột B QCVN 40-2011/BTNMT.

#### **Về quan trắc nước thải**

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc 02 lần/năm.

- Vị trí các điểm quan trắc: Hệ tọa độ VN2000

+ Tọa độ vị trí xả nước thải:

NT1: Nước thải trước khi xử lý tại vị trí hồ thu nước: X 2553 403; Y: 474 605

NT2: Nước thải sau khi xử lý tại hồ lắng nước: X 2553 032; Y: 474 481

+ Tọa độ vị trí nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải: X 2552 903; Y 474 487

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 03 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Nước thải nằm trong cột B của QCVN-40-2011/BTNMT quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường. Số Vmcerts: 006.

**Đối với quan trắc khí thải hiện tại tần suất quan trắc:**

- Thời gian quan trắc: Thời gian quan trắc vào tháng 03, 06, 09 và tháng 12 trong năm.

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc:

Tại ống khói của Nhà máy luyện Antimon Mậu Duệ. Vị trí lấy mẫu đảm bảo đúng theo quy định hiện hành. Tọa độ X 2552049.5; Y 473480.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Khí thải từ xưởng thiêu và xưởng luyện phải được xử lý đạt cột B quy chuẩn môi trường Việt Nam: QCVN 19: 2009/BTNMT

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.

**6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Chính sách lao động tiền lương tương đối đảm bảo. Lực lượng lao động tiếp tục duy trì ổn định như năm 2022 và nguồn lao động phổ thông dồi dào sẵn sàng tại địa phương là lợi thế giúp cho công ty tuyển dụng tăng cường mở rộng công suất khi cần. Tuy nhiên, lao động có trình độ tại địa phương khó tuyển dụng do vậy cần có chính sách phù hợp để đảm bảo thu hút được lao động có trình độ và tránh tình trạng người lao động nghỉ việc ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.

**6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và hỗ trợ địa phương trong các lĩnh vực như giáo dục, hỗ trợ hộ nghèo, xây dựng hạ tầng cho địa phương và ủng hộ cho các quỹ từ thiện của địa phương. Trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương là một phần không thể thiếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy Công ty luôn dành sự quan tâm đối với công tác này.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

HĐQT đã lãnh đạo Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông;

HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi hoàn thiện điều lệ hoạt động và ban hành hệ thống quy chế quản trị nội bộ phù hợp với mô hình của công ty đại chúng quy mô lớn;

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời thường xuyên với Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo Công ty thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT

HĐQT luôn luôn đặt mỗi quan tâm hàng đầu tới việc sản xuất bền vững do vậy các chỉ đạo Công ty về việc bảo vệ cảnh quan giảm thải ra môi trường được chú trọng. Trong tổ chức sản xuất đã áp dụng nhiều biện pháp an toàn, vệ sinh lao động.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản. Thực hiện trồng cây xanh và cải tạo cảnh quan môi trường khu vực mỏ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

Các vấn đề quyết định của HĐQT đều được bàn bạc, thảo luận, thông báo đầy đủ, đúng quy định với Ban Giám đốc và Ban kiểm soát;

Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;

Công ty chấp hành đầy đủ và triển khai kịp thời các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm, Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ, thường xuyên cùng Hội đồng quản trị để thực hiện kế hoạch sản xuất được đề ra của Đại hội đồng cổ đông.

Do đặc thù có 5/7 thành viên Hội đồng quản trị là không tham gia điều hành, Ban giám đốc đã thường xuyên gửi email hoặc điện thoại báo cáo các đề các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt được tình hình để cùng nhau thống nhất ra quyết định về hoạt động quản trị của Công ty. Hàng tháng các phòng ban phân xưởng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận cho ban lãnh đạo công ty.

Năm 2023, Ban giám đốc đã chỉ đạo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục đem về các kết quả tăng trưởng vượt bậc so với những năm trước.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị (Nguồn: Báo cáo của HĐQT năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024)**

Hội đồng quản trị định hướng Ban giám đốc Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, tận dụng tài nguyên.

Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, nắm chắc diễn biến của thị trường tiêu thụ, rà soát xây dựng lại cơ chế tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng nội địa.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật về chứng khoán. Bổ xung, cập nhật kịp thời các quy định hiện hành. Hỗ trợ nâng cao năng suất lao động trong doanh nghiệp.

Tìm kiếm cơ hội đầu tư , mở rộng lĩnh vực hoạt động cùng ngành nghề. Nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao thị phần sản phẩm kim loại.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp...

Tối đa hoá lợi nhuận để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa người lao động và cổ đông.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Gồm có 7 người

Họ và tên	Chức danh	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1. Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch	TV độc lập	399.800	3,17
2. Ông Nguyễn Việt Phương	P. Chủ tịch	TV độc lập	Đại diện vốn NN	
3. Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên	Giám đốc	78.000 (ĐD vốnNN)	0,61
4. Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên	TV độc lập	32.400	0,25

5. Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	TV độc lập	70.100	
6. Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên	TV độc lập	Đại diện vốn NN	
7. Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên	Phó GD	245.200	1,94

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Gồm có 4 tiểu ban trực thuộc HĐQT

**\* Tiểu ban phụ trách các dự án đầu tư**

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc - Ủy viên

**\* Tiểu ban phụ trách khai thác và thiêu luyện**

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Văn Trường	Quản đốc phân xưởng Luyện - Ủy viên
Ông Đào Văn Cảnh	Quản đốc phân xưởng Khai thác - Ủy viên
Ông Văn Quốc Tân	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên

**\* Tiểu ban phụ trách kế hoạch tài chính**

Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Bà Hoàng Lê Khanh	Kế toán trưởng - Ủy viên
Bà Vũ Thị Vui	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên

**\* Tiểu ban phụ trách tiêu thụ sản phẩm và đối ngoại**

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc - Ủy viên
Bà Vũ Thị Vui	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT thực hiện đảm bảo họp định kỳ 1 lần/ quý đầy đủ, ngoài ra tổ chức họp trực tuyến, hoặc lấy ý kiến các thành viên để thông qua các vấn đề của Công ty.

Số buổi họp của HĐQT trong năm 2023:

Số TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự (Trực tiếp -gián tiếp)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Thành Đô	12/12	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Phương	12/12	100%	
3	Ông Trần Nguyên Nam	12/12	100%	
4	Ông Đỗ Khắc Hùng	12/12	100%	
5	Ông Trịnh Ngọc Hiếu	12/12	100%	

6	Ông Tạ Hồng Thăng	10/12	85,7%	Vắng đi công tác
7	Ông Nguyễn Trung Hiếu	12/12	100%	

(Nguồn: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023)

Số lượng thành viên HĐQT đến cuối kỳ là 07 người, trong đó có 05 thành viên không điều hành, 02 thành viên điều hành trực tiếp. Trong năm, HĐQT đã tiến hành triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2023 vào ngày 31/03/2023.

Trong năm 2023 HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ 01 lần/quý, bằng hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Tổng số buổi họp trong năm của HĐQT là 12 buổi. Các nội dung, thành phần tham dự họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty để triển khai thực hiện. Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 7 Quyết định và 12 nghị quyết HĐQT với tỷ lệ thông qua 100%

Các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời thay mặt các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua hoạt động của các tiểu ban, chuyên đề kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát:

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số TT	Thành viên BKS	Chức danh	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ%
1	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	0	
2	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	TV BKS	0	
3	Ông Nguyễn Hữu Trọng	TV BKS	200	0,001

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tổ chức họp ban kiểm soát định kỳ theo quý cùng với Hội đồng quản trị đạt tỷ lệ 100% thành viên tham gia. Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền. Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và năm do Công ty TNHH hăng kiểm toán AASC thực hiện.

Số TT	Thành viên BKS	Chức danh	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ%
1	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	4/4	100%
2	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên	4/4	100%

3	Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên	4/4	100%
---	----------------------	------------	-----	------

Nguồn: báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác trong năm:

TT	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
1	Phạm Thành Đô	CT HĐQT	120.000.000	164.000.000	284.000.000
2	Nguyễn Việt Phương	P.CT HĐQT	96.000.000	14.000.000	110.000.000
3	Trịnh Ngọc Hiếu	TV HĐQT-PGD	96.000.000	866.920.700	962.920.700
4	Nguyễn Trung Hiếu	TV HĐQT	96.000.000	220.000.000	316.000.000
5	Tạ Hồng Thăng	TV HĐQT	96.000.000	124.000.000	220.000.000
6	Đỗ Khắc Hùng	TV HĐQT-GĐ	96.000.000	1.186.495.800	1.282.495.800
7	Trần Nguyên Nam	TV HĐQT	96.000.000	14.000.000	110.000.000
8	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc		922.357.200	922.357.200
9	Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc		749.517.697	749.517.697
10	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng BKS	96.000.000	434.256.026	530.256.026
11	Nguyễn Hữu Trọng	TV BKS	60.000.000	407.626.200	467.626.200
12	Ng Thị Lương Thanh	TV BKS	60.000.000	14.000.000	74.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch/Người nội bộ	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hữu Dũng / Nguyễn Hữu Trọng (TV Ban kiểm soát)	Bố đẻ	10.000	0,079 %	0	0%	Thừa kế
2	Nguyễn Hữu Trọng/ Nguyễn Hữu Trọng (TV	Người nội bộ	10.200	0,08%	200	0,001 %	Bán do nhu cầu cá nhân

Ban kiểm soát)						
----------------	--	--	--	--	--	--

(Nguồn: Báo cáo tình hình quản trị năm 2023)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, thực hiện về Báo cáo quản trị 6 tháng, năm; Báo cáo cổ đông lớn; Việc công bố thông tin theo quy định luôn kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (Xem Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán đính kèm)

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty do Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và phát hành ngày 05/03/2024.

Ý kiến của kiểm toán độc lập: Chấp thuận toàn phần.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Đỗ Khắc Hùng**

C.P

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 35

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 01 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên
Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Đỗ Khắc Hùng**

Giám đốc

Hà Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được lập ngày 05 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho giai đoạn 2008 - 2018 theo kết quả làm việc của Kiểm toán Nhà nước năm 2019.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc *NA*  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

**Lê Văn Hưng**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3953-2023-002-1

TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>168.955.703.480</b>	<b>143.675.631.059</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>23.051.370.309</b>	<b>20.123.766.487</b>
111	1. Tiền		23.051.370.309	19.123.766.487
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>100.000.000.000</b>	<b>69.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000.000	69.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>11.110.726.359</b>	<b>8.034.077.865</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	7.017.038.709	4.859.880.539
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.012.332.734	1.588.825.986
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.807.595.769	2.311.612.193
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(726.240.853)	(726.240.853)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>34.692.643.612</b>	<b>39.648.238.105</b>
141	1. Hàng tồn kho		34.692.643.612	39.648.238.105
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>100.963.200</b>	<b>6.869.548.602</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	100.963.200	102.502.400
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	6.767.046.202
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>69.885.590.258</b>	<b>71.833.127.476</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.159.390.801</b>	<b>2.901.580.803</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.159.390.801	2.901.580.803
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>14.498.989.898</b>	<b>17.257.880.037</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.271.072.137	10.639.195.744
222	- Nguyên giá		75.553.377.872	72.595.450.614
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.282.305.735)	(61.956.254.870)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.227.917.761	6.618.684.293
228	- Nguyên giá		46.168.552.193	46.168.552.193
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.940.634.432)	(39.549.867.900)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>10.476.210.583</b>	<b>9.748.103.699</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.476.210.583	9.748.103.699
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>40.370.140.720</b>	<b>41.204.927.316</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.756.900.240	12.756.900.240
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		69.469.880.000	69.469.880.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(41.856.639.520)	(41.021.852.924)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.380.858.256</b>	<b>720.635.621</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.380.858.256	720.635.621
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>238.841.293.738</b>	<b>215.508.758.535</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>41.310.671.026</b>	<b>33.482.362.014</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>28.377.182.803</b>	<b>20.514.789.541</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.532.721.016	6.159.203.717
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.321.422.349	3.757.214.270
314	3. Phải trả người lao động		5.050.387.524	3.969.868.522
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	75.000.000	266.410.732
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.454.947.409	470.475.993
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		942.704.505	5.891.616.307
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.933.488.223</b>	<b>12.967.572.473</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	9.000.000	9.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	12.924.488.223	12.958.572.473
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>197.530.622.712</b>	<b>182.026.396.521</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>197.530.622.712</b>	<b>182.026.396.521</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		126.000.000.000	126.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		126.000.000.000	126.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.500.000.000	4.500.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		50.000.000.000	50.000.000.000
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.103.464.642	1.103.464.642
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.761.065.149	43.256.838.958
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.558.278.329	21.818.512.019
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		40.202.786.820	21.438.326.939
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>238.841.293.738</b>	<b>215.508.758.535</b>

  
Hoàng Lê Khanh

Người lập biểu

Hà Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2024

  
Hoàng Lê Khanh

Kế toán trưởng



Đỗ Khắc Hùng

Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	175.681.807.310	200.979.515.289
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		175.681.807.310	200.979.515.289
11	4. Giá vốn hàng bán	22	93.532.230.961	75.991.800.924
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.149.576.349	124.987.714.365
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.073.476.687	4.809.741.935
22	7. Chi phí tài chính	24	1.187.757.606	41.320.741.813
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.715.296.089	4.339.408.988
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.359.685.683	14.333.765.430
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.960.313.658	69.803.540.069
31	11. Thu nhập khác	27	292.612.727	45.365.753
32	12. Chi phí khác	28	1.906.491.218	1.776.395.000
40	13. Lợi nhuận khác		(1.613.878.491)	(1.731.029.247)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.346.435.167	68.072.510.822
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	14.494.669.478	14.135.535.096
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		54.851.765.689	53.936.975.726
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.373	4.298

  
Hoàng Lê Khanh

Người lập biểu

Hà Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2024

  
Hoàng Lê Khanh

Kế toán trưởng



  
Đỗ Khắc Hùng

Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		69.346.435.167	68.072.510.822
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.716.817.397	6.319.914.878
03	- Các khoản dự phòng		800.702.346	40.792.085.015
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(175.437.578)	(919.278.936)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.189.994.742)	(3.890.462.999)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.498.522.590	110.374.768.780
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.208.354.526)	(4.505.138.772)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.955.594.493	(8.023.314.760)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.516.125.987	2.929.920.649
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(658.683.435)	120.131.342
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.942.833.095)	(27.366.269.428)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.494.651.300)	(7.119.663.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		60.665.720.714	66.410.433.812
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.686.034.142)	(8.608.156.665)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(69.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		69.000.000.000	73.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.574.279.672	4.193.950.080
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.111.754.470)	(414.206.585)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.801.800.000)	(65.563.960.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(29.801.800.000)	(65.563.960.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.752.166.244	432.267.227

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.123.766.487	18.772.220.324
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		175.437.578	919.278.936
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>23.051.370.309</u>	<u>20.123.766.487</u>



Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

Hà Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2024



Hoàng Lê Khanh  
Kế toán trưởng



Đỗ Khắc Hùng  
Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 01 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 126.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 126.000.000.000 VND; tương đương 12.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 142 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 144 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và chế biến quặng Antimony.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giá bán trung bình kim loại Antimon năm 2023 của Công ty giảm 6,79% so với năm 2022 do giá bán kim loại Antimon thế giới giảm đồng thời sản lượng bán ra cũng giảm, điều này dẫn đến doanh thu năm 2023 giảm 12,59% tương ứng giảm 25,3 tỷ VND so với năm trước. Mặt khác, do phạm vi quặng khai thác giảm dẫn tới chi phí khai thác tăng cao, khiến tỷ lệ lãi gộp của Công ty giảm so với năm trước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng Công ty

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ

Hà Giang

Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Khai thác và chế biến quặng Antimony

Phân phối thành phẩm kim loại Antimony

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất	10 - 48 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03

### Quyền khai thác mỏ Antimony và chi phí hoàn nguyên môi trường

Quyền khai thác mỏ Antimony và chi phí hoàn nguyên môi trường bao gồm quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường.

Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản này bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao dựa trên số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm theo Thông báo của Cục thuế Hà Giang.

Chi phí hoàn nguyên môi trường là chi phí ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác để đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

#### 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

#### 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê văn phòng ở Chi nhánh Hà Nội được trả trước định kỳ 3 tháng/lần.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.

#### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## 2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## 2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24. Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và chế biến quặng Antimony trên lãnh thổ Việt nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	709.754.321	615.074.550
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.341.615.988	18.508.691.937
- Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<b>23.051.370.309</b>	<b>20.123.766.487</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	94.000.000.000	-	69.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	94.000.000.000	-	69.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000	-	-	-
- Trái phiếu (**)	6.000.000.000	-	-	-
	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>69.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, giá trị 94.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,4%/năm.

(\*\*) Tại ngày 31/12/2023, số dư trái phiếu nắm giữ là trái phiếu mua theo giấy chứng nhận số CTG2230T2/02\_260 ngày 01/11/2023.

Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương; Mã trái phiếu: CTG22230T2/02; Số lượng: 60.000; Ngày phát hành: 01/11/2023; Kỳ hạn: 8 năm; Lãi suất: 1,2%/năm; Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Mã chứng khoán	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>12.756.900.240</b>	-	-	<b>12.756.900.240</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương <sup>(1)</sup>	12.756.900.240	7.696.238.133	-	12.756.900.240	7.090.861.953	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>69.469.880.000</b>	(41.856.639.520)	(41.856.639.520)	<b>69.469.880.000</b>	(41.021.852.924)	(41.021.852.924)
- Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng <sup>(2)</sup>	69.469.880.000	27.613.240.480	(41.856.639.520)	69.469.880.000	28.448.027.076	(41.021.852.924)
	<b>82.226.780.240</b>		<b>(41.856.639.520)</b>	<b>82.226.780.240</b>		<b>(41.021.852.924)</b>

<sup>(1)</sup> Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm 31/12/2023 của các chứng khoán này trên sàn UPCOM.

<sup>(2)</sup> Dự phòng được ước tính theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường (giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm ngày 31/12/2023 do Sở Giao dịch chứng khoán công bố).

**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương	Hải Dương	35,70%	35,70%	Khai thác, chế biến khoáng sản
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	9,69%	9,69%	Khai thác, chế biến khoáng sản

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- TOKOKOSENCORP - Nhật Bản	-	-	21.184.951	-
- Công ty Cổ phần Bảo Âu	-	-	4.604.308.600	-
- CHEMICO CHEMICALS PRIVATE LIMITED	6.782.651.721	-	-	-
- Hoàng Văn Thiêm	71.642.500	(71.642.500)	71.642.500	(71.642.500)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	162.744.488	(162.744.488)	162.744.488	(162.744.488)
	<b>7.017.038.709</b>	<b>(234.386.988)</b>	<b>4.859.880.539</b>	<b>(234.386.988)</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất	-	-	448.921.351	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	1.131.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Châu Giang	1	-	366.689.000	-
- Công ty Cổ phần PTH	-	-	186.327.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên môi trường thủ đô	133.220.100	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	748.112.633	(377.254.720)	586.888.635	(377.254.720)
	<b>2.012.332.734</b>	<b>(377.254.720)</b>	<b>1.588.825.986</b>	<b>(377.254.720)</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	868.446.574	-	1.252.731.504	-
- Tam ứng	93.859.680	(12.217.300)	229.871.978	(12.217.300)
- Phải thu thuế TNCN của người lao động	1.652.756.860	-	635.081.200	-
- Phải thu khác	192.532.655	(102.381.845)	193.927.511	(102.381.845)
	<b>2.807.595.769</b>	<b>(114.599.145)</b>	<b>2.311.612.193</b>	<b>(114.599.145)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Kỳ cược, ký quỹ	3.159.390.801	-	2.901.580.803	-
	<b>3.159.390.801</b>	<b>-</b>	<b>2.901.580.803</b>	<b>-</b>

## 8. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>234.386.988</b>	-	<b>234.386.988</b>	-
+ Hoàng Văn Thiếm	71.642.500	-	71.642.500	-
+ Công ty chế biến NLS Bắc Quang	61.017.368	-	61.017.368	-
+ Ban quản lý sở Công trình điện Bình Vàng	47.780.025	-	47.780.025	-
+ Đối tượng khác	53.947.095	-	53.947.095	-
<b>Trả trước người bán</b>	<b>377.254.720</b>	-	<b>377.254.720</b>	-
+ Xi nghiệp xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	202.440.273	-
+ Công ty TNHH Hạ Long Viglacera	114.814.447	-	114.814.447	-
+ Trung Tâm Khuyến Công - Sở Công Thương	60.000.000	-	60.000.000	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>12.217.300</b>	-	<b>12.217.300</b>	-
+ Đối tượng khác	12.217.300	-	12.217.300	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>102.381.845</b>	-	<b>102.381.845</b>	-
+ Công ty TNHH Phả Lại	40.000.000	-	40.000.000	-
+ Đối tượng khác	62.381.845	-	62.381.845	-
	<b>726.240.853</b>	-	<b>726.240.853</b>	-

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.342.909.128	-	4.182.618.337	-
- Công cụ, dụng cụ	1.005.812.201	-	752.934.195	-
- Thành phẩm	28.343.922.283	-	34.712.685.573	-
	<b>34.692.643.612</b>	-	<b>39.648.238.105</b>	-

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimony Mậu Duệ (*)	9.391.665.985	7.825.407.573
Sửa chữa hệ thống làm mát lò luyện	-	584.461.966
Sửa chữa văn phòng Công ty	-	1.338.234.160
Chi phí cấp giấy phép môi trường mỏ Mậu Duệ	586.758.502	-
Hệ thống dây truyền sản xuất gạch không nung - PXL (**)	347.852.892	-
Dự án khác	149.933.204	-
	<b>10.476.210.583</b>	<b>9.748.103.699</b>

(\*) Theo Quyết định số 1241/QĐ-HĐTLQG ngày 23/12/2022, Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đã phê duyệt trữ lượng quặng và kim loại antimon trong "Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 3940/QĐ/ĐCKS ngày 27/12/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) mỏ antimon Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang" với các nội dung:

- Diện tích khu vực thăm dò nâng cấp, phê duyệt trữ lượng là 35,2 ha;
- Phê duyệt trữ lượng quặng antimon cấp 122 là 355.271 tấn chứa 17.755 tấn kim loại Sb;
- Tài nguyên quặng antimon cấp 333 là 190.126 tấn chứa 8.055 tấn kim loại Sb;
- Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt được quy định cụ thể trong quyết định.

Quyết định trên là tiền đề để Công ty thực hiện dự án "Điều chỉnh giấy phép khai thác Antimon" trong năm 2023 và dự kiến hoàn thành vào năm 2024. Công ty đã thành lập Ban Quản lý dự án theo Quyết định của Giám đốc Công ty số 55/QĐ-CKKS ngày 10/03/2023 để thực hiện Dự án điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

(\*\*) Dự án: Dây chuyền sản xuất gạch không nung

Công trình: Xử lý xỉ thiêu tại phân xưởng luyện antimon xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH T&T Tuyên Quang.

Tổng mức đầu tư: 1.525.273.000 VND.

Tiến độ thực hiện đến 31/12/2023: Hoàn thành nghiên cứu công nghệ, nghiệm thu Báo cáo kinh tế kỹ thuật cho dự án.

**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	26.435.083.089	35.561.428.960	10.042.490.365	556.448.200	72.595.450.614
- Mua trong năm	-	572.000.000	-	-	572.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.282.189.316	103.737.942	-	-	2.385.927.258
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.717.272.405</b>	<b>36.237.166.902</b>	<b>10.042.490.365</b>	<b>556.448.200</b>	<b>75.553.377.872</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	22.650.274.580	31.113.207.781	7.636.324.309	556.448.200	61.956.254.870
- Khấu hao trong năm	1.455.637.531	2.273.486.167	596.927.167	-	4.326.050.865
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.105.912.111</b>	<b>33.386.693.948</b>	<b>8.233.251.476</b>	<b>556.448.200</b>	<b>66.282.305.735</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.784.808.509	4.448.221.179	2.406.166.056	-	10.639.195.744
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.611.360.294</b>	<b>2.850.472.954</b>	<b>1.809.238.889</b>	<b>-</b>	<b>9.271.072.137</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.778.183.837 VND

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.827.595.455	22.723.027.000	17.920.493.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.827.595.455</b>	<b>22.723.027.000</b>	<b>17.920.493.837</b>	<b>380.554.359</b>	<b>2.316.881.542</b>	<b>46.168.552.193</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.456.363.728	22.723.027.000	12.673.041.271	380.554.359	2.316.881.542	39.549.867.900
- Khấu hao trong năm	93.756.395		1.297.010.137	-	-	1.390.766.532
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.550.120.123</b>	<b>22.723.027.000</b>	<b>13.970.051.408</b>	<b>380.554.359</b>	<b>2.316.881.542</b>	<b>40.940.634.432</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	1.371.231.727	-	5.247.452.566	-	-	6.618.684.293
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.277.475.332</b>	<b>-</b>	<b>3.950.442.429</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.227.917.761</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.932.751.401 VND



**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê văn phòng	100.963.200	102.502.400
	<b>100.963.200</b>	<b>102.502.400</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.380.858.256	720.635.621
	<b>1.380.858.256</b>	<b>720.635.621</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Thương mại Minh Tuấn	358.183.540	358.183.540	2.272.536.848	2.272.536.848
- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hùng Dũng	1.210.413.028	1.210.413.028	1.441.780.252	1.441.780.252
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đức Minh	-	-	731.696.460	731.696.460
- Công ty MTV TNHH Hùng Minh 868	4.425.298.253	4.425.298.253	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.538.826.195	1.538.826.195	1.713.190.157	1.713.190.157
	<b>7.532.721.016</b>	<b>7.532.721.016</b>	<b>6.159.203.717</b>	<b>6.159.203.717</b>

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	486.756.920	1.782.184.867	2.020.529.961	-	248.411.826
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	8.168.025.260	8.168.025.260	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.256.657.306	-	14.494.669.478	5.942.833.095	-	2.295.179.077
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.209.723	2.619.763.243	2.428.622.687	-	256.350.279
Thuế Tài nguyên	510.388.896	-	12.172.132.956	11.343.998.268	-	317.745.792
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	47.778.232	47.778.232	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	25.258.627	395.801.301	397.313.553	-	23.746.375
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.179.989.000	5.000.000	5.000.000	-	3.179.989.000
	<b>6.767.046.202</b>	<b>3.757.214.270</b>	<b>39.685.355.337</b>	<b>30.354.101.056</b>	<b>-</b>	<b>6.321.422.349</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Trung tâm Kiểm định Địa chất	-	191.410.732
- Chi phí phải trả khác	75.000.000	75.000.000
	<b>75.000.000</b>	<b>266.410.732</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<i>a.1) Chi tiết theo nội dung</i>		
- Kinh phí công đoàn	-	64.944.912
- Bảo hiểm xã hội	3.445.256	3.445.256
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.526.043.890	-
- Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
- Tiền thưởng cho người lao động	6.515.876.600	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	229.581.663	222.085.825
	<b>8.454.947.409</b>	<b>470.475.993</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<i>b.1) Chi tiết theo nội dung</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.000.000	9.000.000
	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	12.924.488.223	12.958.572.473
	<b>12.924.488.223</b>	<b>12.958.572.473</b>

(i) Dự phòng phải trả dài hạn là chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải nộp Ngân sách Nhà nước sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	63.709.715.341	202.479.272.904					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	53.936.975.726					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(74.389.852.109)					
Số dư cuối năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	43.256.838.958	182.026.396.521					
Số dư đầu năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	43.256.838.958	182.026.396.521					
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	54.851.765.689					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(39.347.539.498)					
Số dư cuối năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	58.761.065.149	197.530.622.712					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Lợi nhuận còn lại năm 2021 (1)		21.818.512.019
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2022 (2)		53.936.975.726
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối (3)=(1)+(2)	100,00%	75.755.487.745
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4)=(5)+(6)	12,54%	9.500.000.000
- Số đã tạm trích trong năm 2022 (5)		2.696.848.786
- Số trích bổ sung trong năm 2023 (6)		6.803.151.214
Chi trả cổ tức (bằng 40% vốn điều lệ) (7)=(8)+(9)	62,94%	47.682.880.000
- Cổ tức đã tạm chi trả trong năm 2022 (8)		29.801.800.000
- Cổ tức còn phải chi trả trong năm 2023 (9)		17.881.080.000
Lợi nhuận chưa phân phối	24,52%	18.572.607.745

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2023, Công ty tạm trích 5% Quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2023, số tiền: 2.742.588.284 VND.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 30/NQ-HĐQT ngày 01/11/2023, Công ty công bố việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 như sau:

- Chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện 10% (1.000 đồng/ Cổ phiếu).
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/11/2023.
- Ngày thanh toán: 20/12/2023.
- Số tiền: 11.920.720.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	Tỷ lệ	01/01/2023 VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	58.762.800.000	46,64%	58.762.800.000	46,64%
Công ty TNHH Quốc tế DP	10.011.000.000	7,95%	10.011.000.000	7,95%
Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT)	1.252.300.000	0,99%	1.252.300.000	0,99%
Cổ phiếu quỹ	6.792.800.000	5,39%	6.792.800.000	5,39%
Các cổ đông khác	49.181.100.000	39,03%	49.181.100.000	39,03%
	<b>126.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	126.000.000.000	126.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	126.000.000.000	126.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	29.801.800.000	65.563.960.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.881.080.000	35.762.160.000

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	11.920.720.000	29.801.800.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(29.801.800.000)</i>	<i>(65.563.960.000)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.881.080.000)	(35.762.160.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(11.920.720.000)	(29.801.800.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.600.000	12.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.600.000</i>	<i>12.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	679.280	679.280
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>679.280</i>	<i>679.280</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.920.720	11.920.720
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.920.720</i>	<i>11.920.720</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	50.000.000.000	50.000.000.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.103.464.642	1.103.464.642
	<b>51.103.464.642</b>	<b>51.103.464.642</b>

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

a) Tài sản thuê ngoài

- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty thuê văn phòng (Chi nhánh Hà Nội) tại Prime Centre, 53 Quang Trung, Hà Nội với diện tích thuê 80 m2, tiền thuê 48.256.000 VND/ tháng (đã bao gồm phí dịch vụ và thuế GTGT), tiền thuê nhà sẽ được trả trước 3 tháng một lần.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 06/HDTD ngày 10/03/2010: diện tích thuê là 10.440 m2 tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng đất làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Giá thuê là 1.252.800 VND/năm, thời hạn thuê đến 30/10/2032.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 07/DTD ngày 10/03/2010: diện tích thuê là 29.943 m2 tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Giá thuê là 3.593.160 VND/năm, thời hạn thuê đến 30/10/2032.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 08/HDTD ngày 10/3/2010: diện tích thuê là 130.940,7 m2 tại thôn Pắc Đén, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Giá thuê là 15.712.884 VND/năm, thời hạn thuê đến 27/12/2026.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 01/HDTD ngày 05/01/2015: diện tích thuê là 102.247,3 m2 tại thôn Ngàm Soọc, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Tiền thuê đất nộp hàng năm theo thông báo, thời hạn thuê đến 27/12/2026.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	921.466,00	715.923,44
Nhân dân tệ (CNY)	8.849,00	14.711,76

c) Vàng ngoại tệ

	31/12/2023	01/01/2023
Vàng (chi)	19,22	19,22

**21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	175.681.807.310	200.979.515.289
	<b>175.681.807.310</b>	<b>200.979.515.289</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	93.532.230.961	75.991.800.924
	<b>93.532.230.961</b>	<b>75.991.800.924</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.189.994.742	3.890.462.999
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	574.464.019	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	203.670.497	919.278.936
Doanh thu hoạt động tài chính khác	105.347.429	-
	<b>7.073.476.687</b>	<b>4.809.741.935</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	144.738.091	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	28.232.919	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	834.786.596	41.021.852.924
Chi phí tài chính khác	180.000.000	298.888.889
	<b>1.187.757.606</b>	<b>41.320.741.813</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.042.992	147.153.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.477.288.097	4.107.765.315
Chi phí khác bằng tiền	83.965.000	84.490.000
	<b>1.715.296.089</b>	<b>4.339.408.988</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	786.215.236	578.282.098
Chi phí nhân công	11.330.258.301	10.941.128.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.078.842.904	734.444.840
Thuế, phí, lệ phí	90.972.234	84.318.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.786.681	711.277.905
Chi phí khác bằng tiền	1.459.610.327	1.284.313.665
	<b>15.359.685.683</b>	<b>14.333.765.430</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	292.612.727	45.365.753
	<b>292.612.727</b>	<b>45.365.753</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	220.000.000
Chi phí khác	1.906.491.218	1.556.395.000
	<b>1.906.491.218</b>	<b>1.776.395.000</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	69.346.435.167	68.072.510.822
Các khoản điều chỉnh tăng	3.905.046.738	3.524.443.595
- Chi phí không hợp lệ	3.732.075.728	3.524.443.595
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	28.232.919	-
- Điều chỉnh tăng khác	144.738.091	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(778.134.515)	(919.278.936)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(203.670.497)	(919.278.936)
- Điều chỉnh giảm khác	(574.464.018)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	72.473.347.390	70.677.675.481
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>14.494.669.478</b>	<b>14.135.535.096</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(6.256.657.306)	6.974.077.026
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.942.833.095)	(27.366.269.428)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.295.179.077</b>	<b>(6.256.657.306)</b>



### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	54.851.765.689	53.936.975.726
Các khoản điều chỉnh	(2.728.258.869)	(2.696.848.786)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(2.728.258.869)	(2.696.848.786)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	52.123.506.820	51.240.126.940
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.920.720	11.920.720
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.373</b>	<b>4.298</b>

Tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty tạm trích 5% Quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.257.192.098	34.255.075.535
Chi phí nhân công	33.934.916.892	31.208.401.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.716.817.397	6.319.914.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.626.088.901	14.663.972.424
Chi phí khác bằng tiền	21.703.434.155	16.181.788.863
	<b>104.238.449.443</b>	<b>102.629.153.296</b>

### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	69.469.880.000	69.469.880.000
	-	-	<b>69.469.880.000</b>	<b>69.469.880.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	69.469.880.000	69.469.880.000
	-	-	<b>69.469.880.000</b>	<b>69.469.880.000</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.341.615.988	-	-	22.341.615.988
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.475.648.345	3.159.390.801	-	12.635.039.146
Các khoản cho vay	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
	<b>131.817.264.333</b>	<b>3.159.390.801</b>	-	<b>134.976.655.134</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.508.691.937	-	-	19.508.691.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.822.506.599	2.901.580.803	-	9.724.087.402
Các khoản cho vay	69.000.000.000	-	-	69.000.000.000
	<b>95.331.198.536</b>	<b>2.901.580.803</b>	-	<b>98.232.779.339</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.987.668.425	9.000.000	-	15.996.668.425
Chi phí phải trả	75.000.000	-	-	75.000.000
	<b>16.062.668.425</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>	<b>16.071.668.425</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.629.679.710	9.000.000	-	6.638.679.710
Chi phí phải trả	266.410.732	-	-	266.410.732
	<b>6.896.090.442</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.905.090.442</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33. THÔNG TIN KHÁC

Theo Biên bản làm việc ngày 05/09/2019 của Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang, Tổ kiểm toán tổng hợp thu, Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang kiến nghị thu bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn 2008 - 2018 với số tiền 39,6 tỷ đồng. Công ty đã xác nhận trên biên bản không đồng ý với nội dung thu thuế nêu trên do Đoàn kiểm toán chưa xem xét đến các khoản ưu đãi thuế mà Công ty đang được hưởng trong giai đoạn này theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Tổ kiểm toán cũng đề nghị có ý kiến về các nội dung trên bằng văn bản của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước khu vực VII. Ngày 20/09/2019, Cục thuế tỉnh Hà Giang đã có Công văn số 716/CT-KK gửi Tổng cục thuế xin chỉ đạo phương án xử lý. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Tổng cục thuế chưa có văn bản trả lời. Ngày 09/03/2022, Phòng Thanh tra kiểm tra Cục Thuế tỉnh Hà Giang đã có buổi làm việc lại với Công ty về các vấn đề này, tuy nhiên Công ty vẫn chưa đồng ý với các nội dung như đã đề cập từ trước. Ngày 13/10/2023, Công ty đã gửi công văn số 26/CV-CKKS về việc triển khai thực hiện dứt điểm các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại tỉnh Hà Giang đến Sở Tài chính Hà Giang, tuy nhiên Công ty chưa nhận được phản hồi từ Sở. Do vậy, tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung này do chưa chắc chắn kết quả của vấn đề nêu trên.

### 34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 34/NQ-HĐQT ngày 02/02/2024, Công ty công bố việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền mặt như sau:

- Chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện 35% (3.500 đồng/ Cổ phiếu).
- Ngày đăng ký cuối cùng: 26/02/2024.
- Ngày thanh toán: 25/03/2024.
- Số tiền: 41.722.520.000 đồng.

Ngoài sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
- Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	284.000.000	381.500.000
- Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	110.000.000	107.500.000
- Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	316.000.000	247.500.000
- Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	220.000.000	247.500.000
- Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên HĐQT	110.000.000	107.500.000
- Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc	1.282.495.800	1.272.640.200
- Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	962.920.700	965.817.500
- Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	922.357.200	859.466.100
- Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc	749.517.697	834.851.700
- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	530.256.026	604.765.205
- Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	74.000.000	71.500.000
- Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên Ban kiểm soát	467.626.200	489.737.500

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.


### 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Hoàng Lê Khanh

Người lập biểu

Hà Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2024

  
Hoàng Lê Khanh

Kế toán trưởng

  
Đỗ Khắc Hùng

Giám đốc

